

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Đầu tư Sao Thái Dương

Ngày 31/03/2024	1,790 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	-

DT thuần Q1/24
16.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.8 266%
YoY: ▼21.1 -56.5%

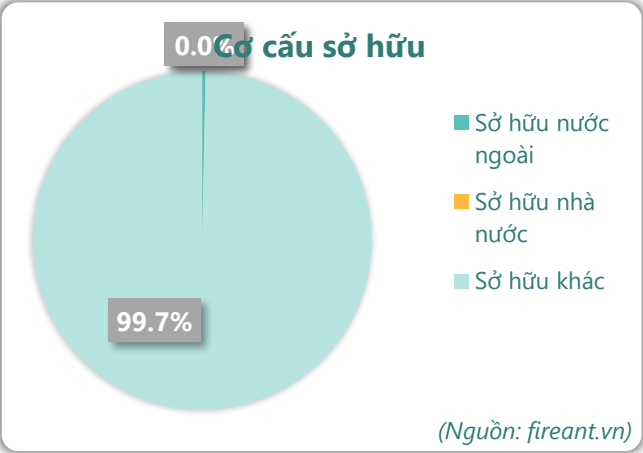
LN thuần Q1/24
-2.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.1 92.3%
YoY: ▲ 0.82 25.7%

LN sau thuế Q1/24
-3.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.1 88.9%
YoY: ▼0.45 -14.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
-1.5%
YoY: +/-▲ 613%

ROE (TTM) Q1/24
-6.0%
YoY: +/-▼ 1.2%

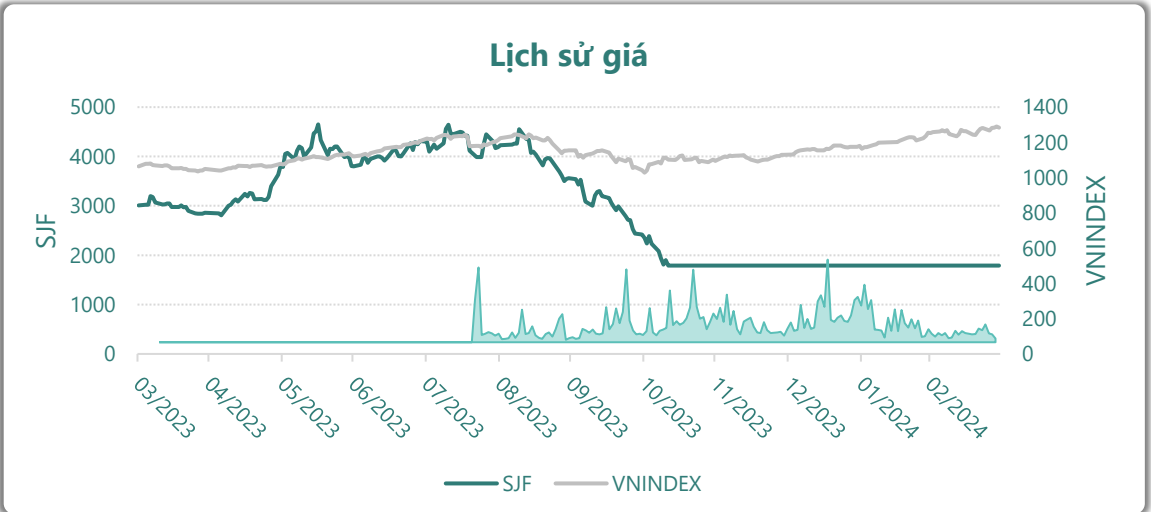
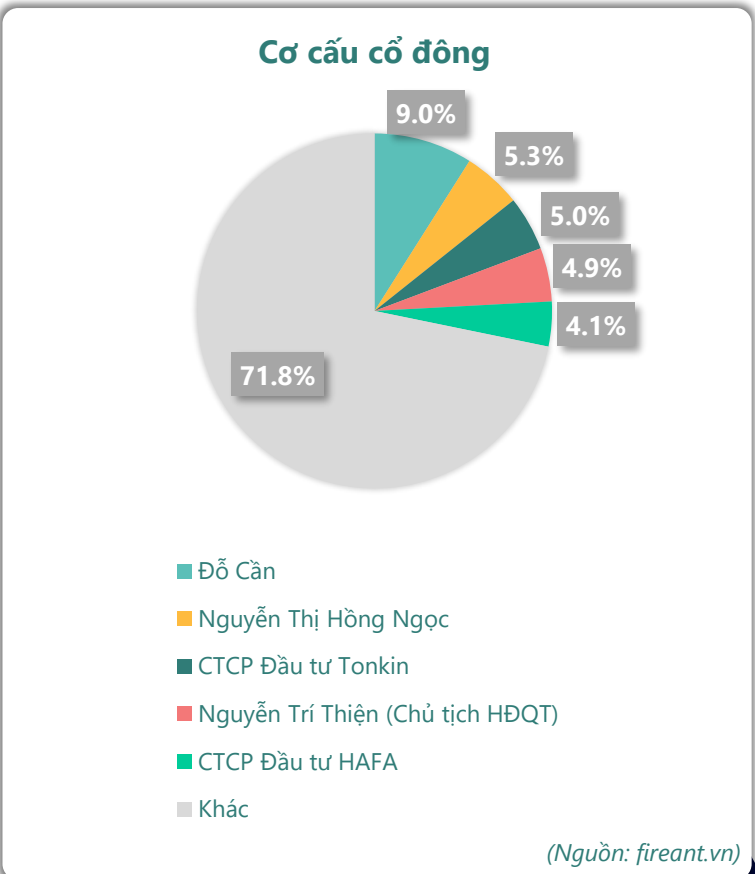
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	1,790 - 4,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	142
Số lượng CPLH (CP)	79,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.56
EPS	-495
P/E	-3.6



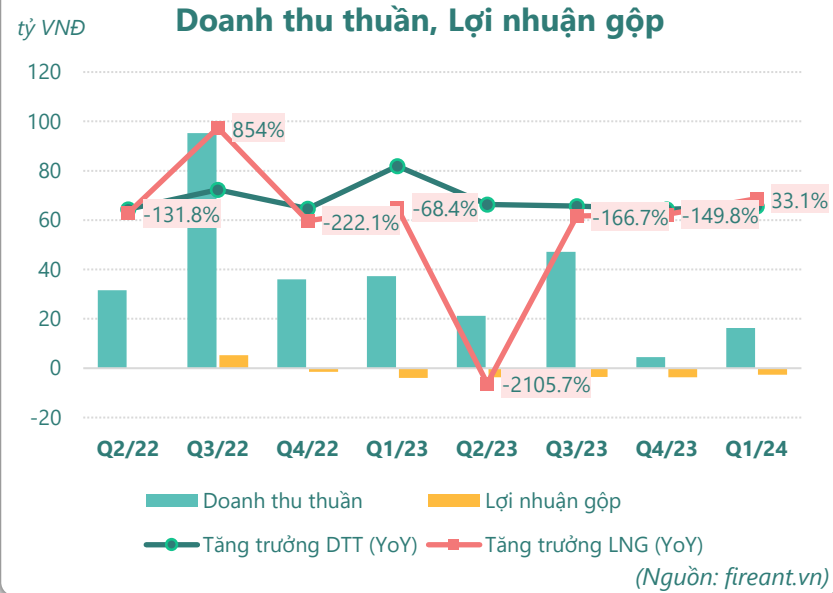
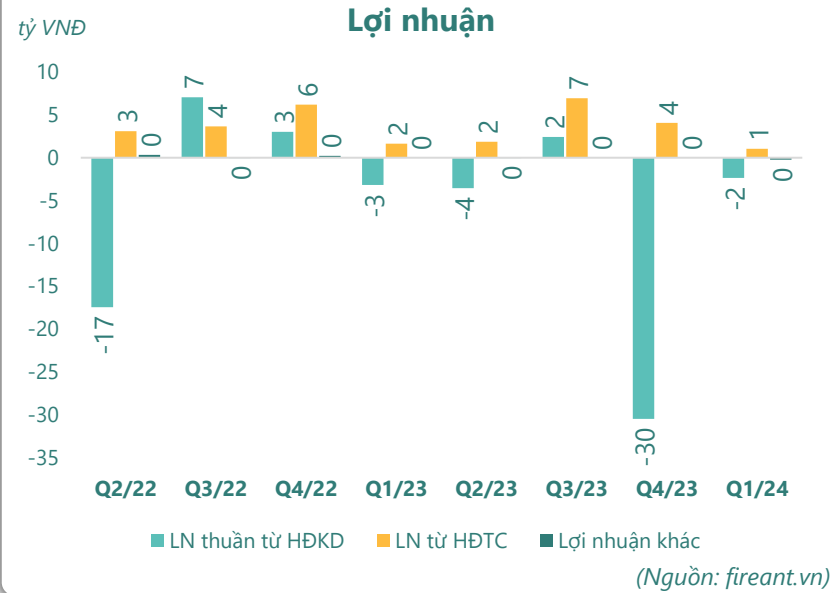
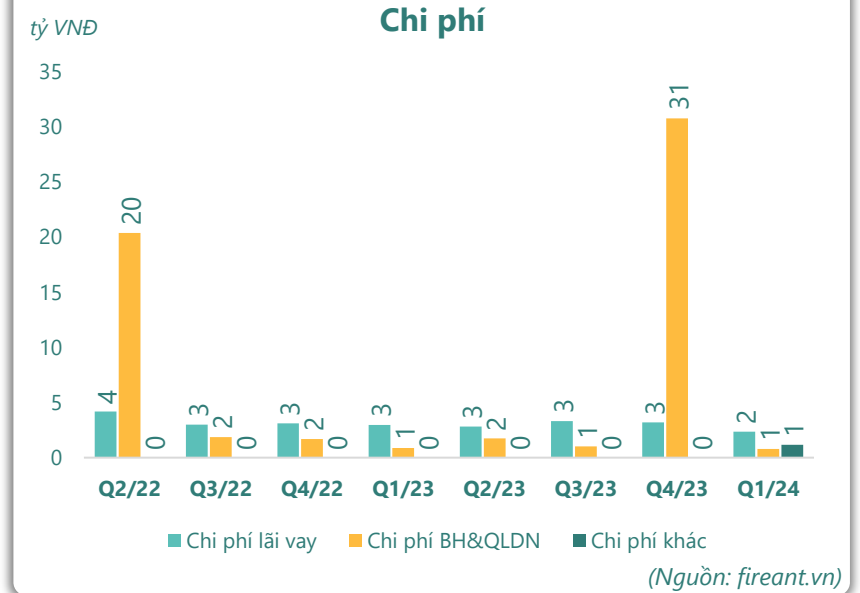
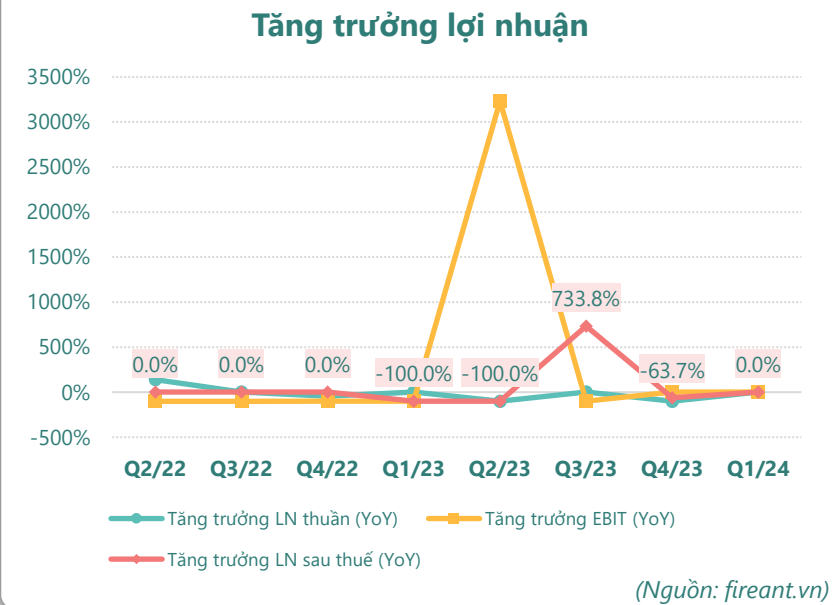
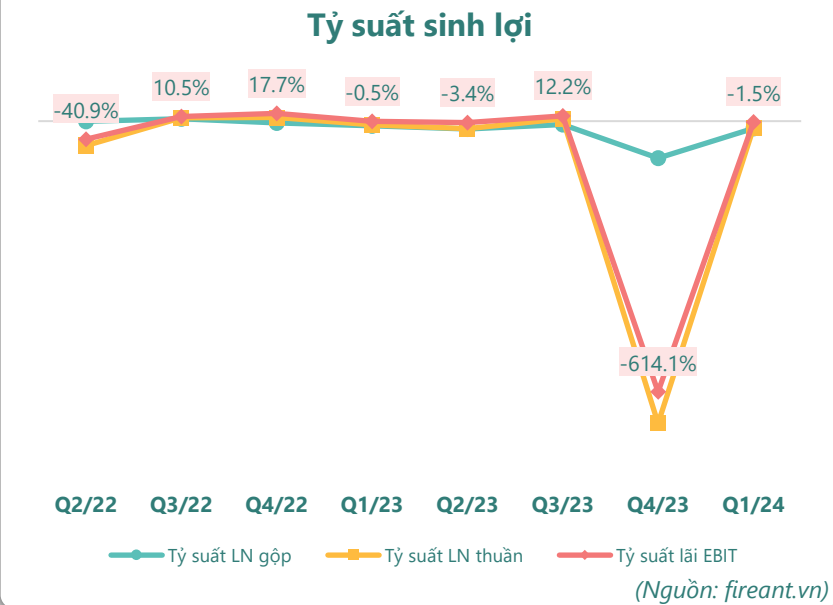
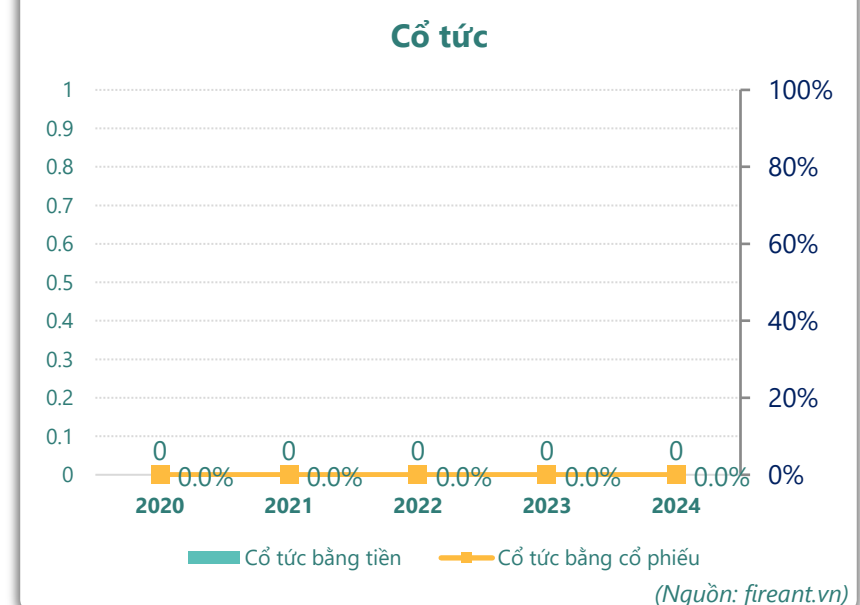
DT thuần 2023
110
tỷ VNĐ
YoY: ▼63.0 -36.3%

LN thuần 2023
-316
tỷ VNĐ
YoY: ▼287 -998%

LN sau thuế 2023
-327
tỷ VNĐ
YoY: ▼295 -913%



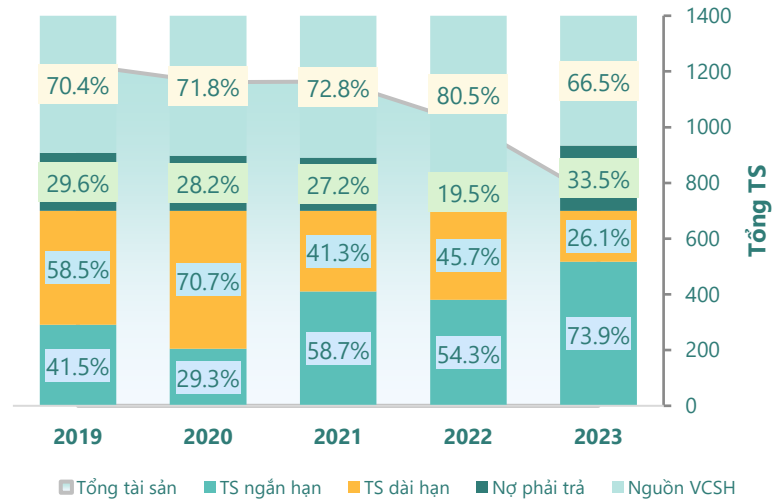
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

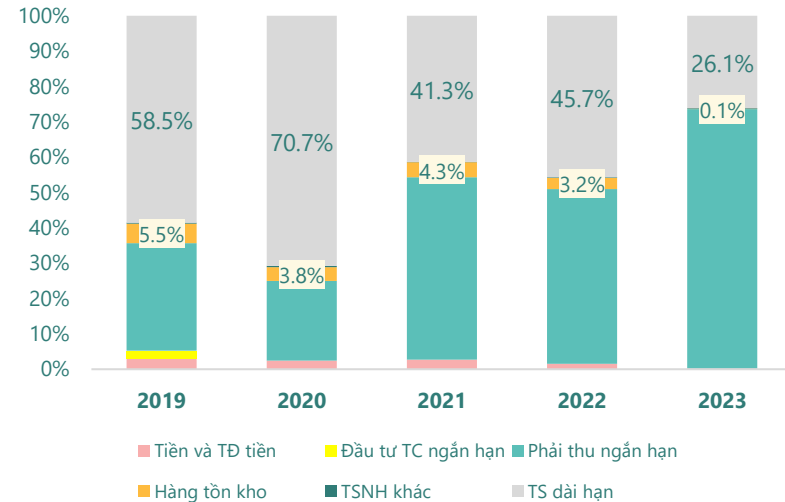
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

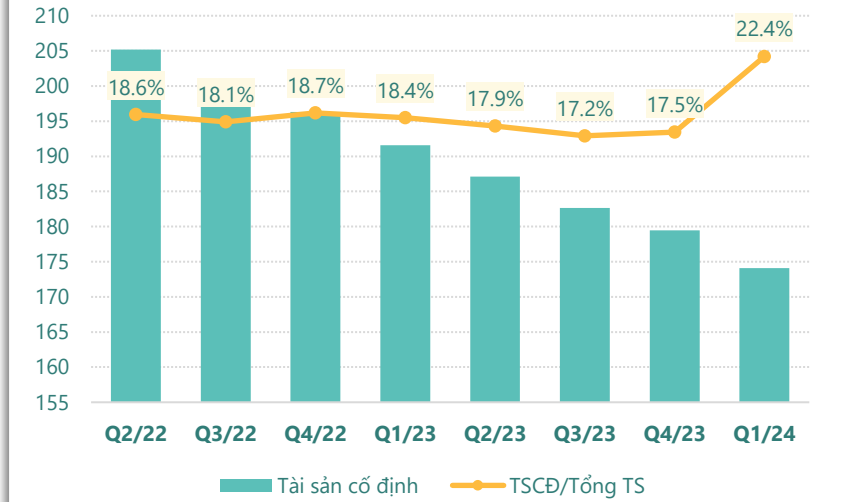
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

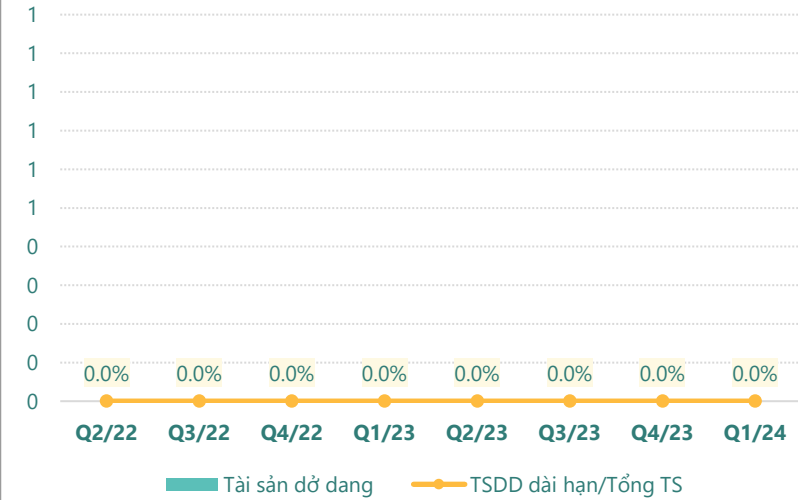
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

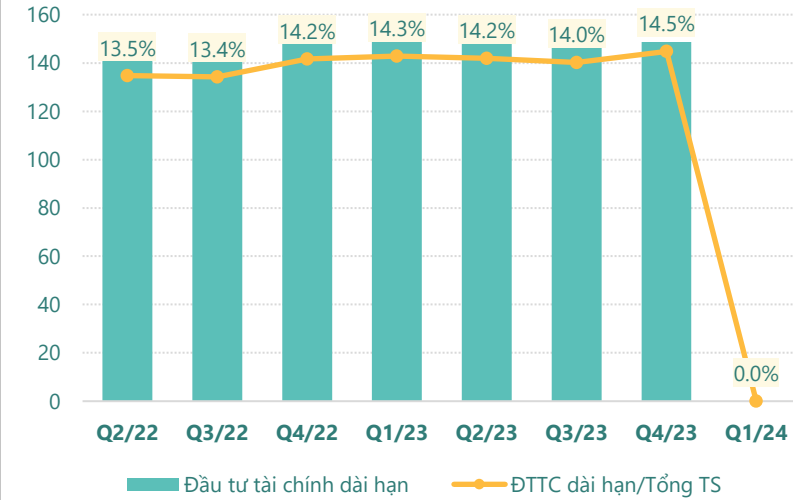
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

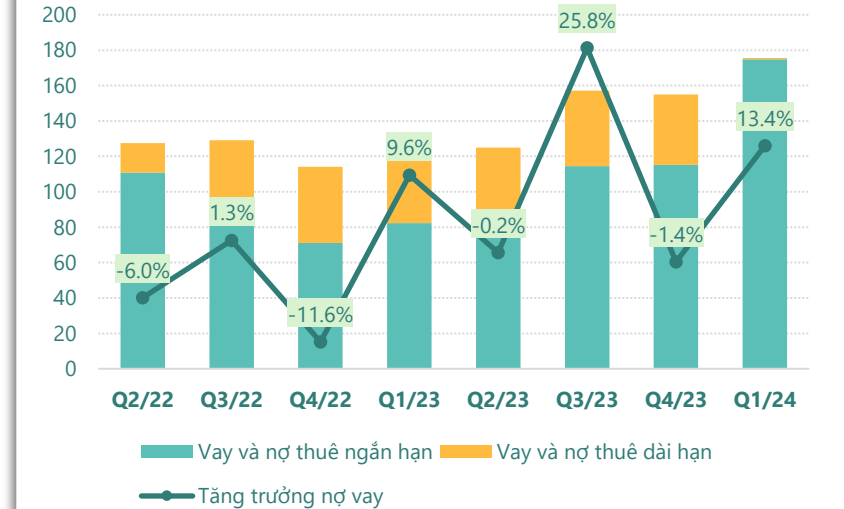
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

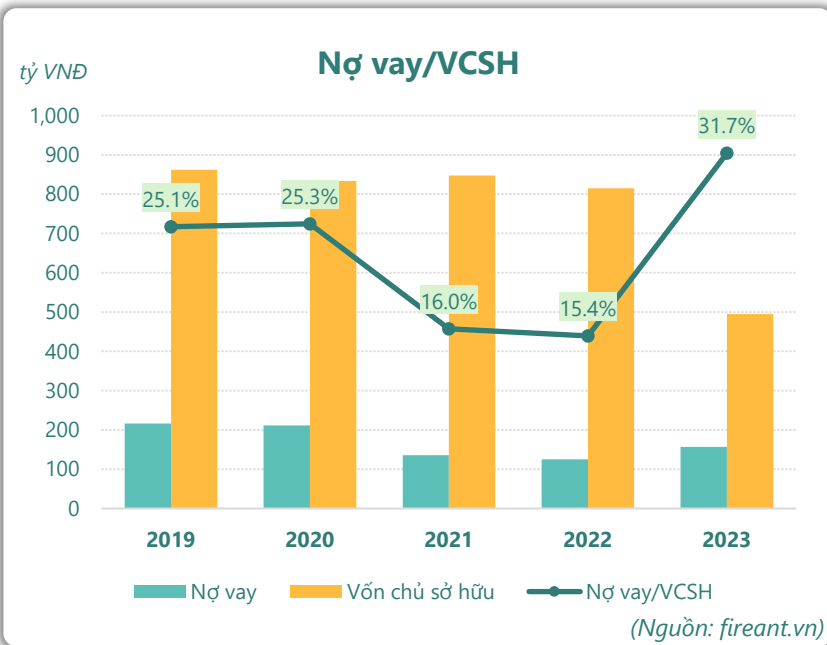
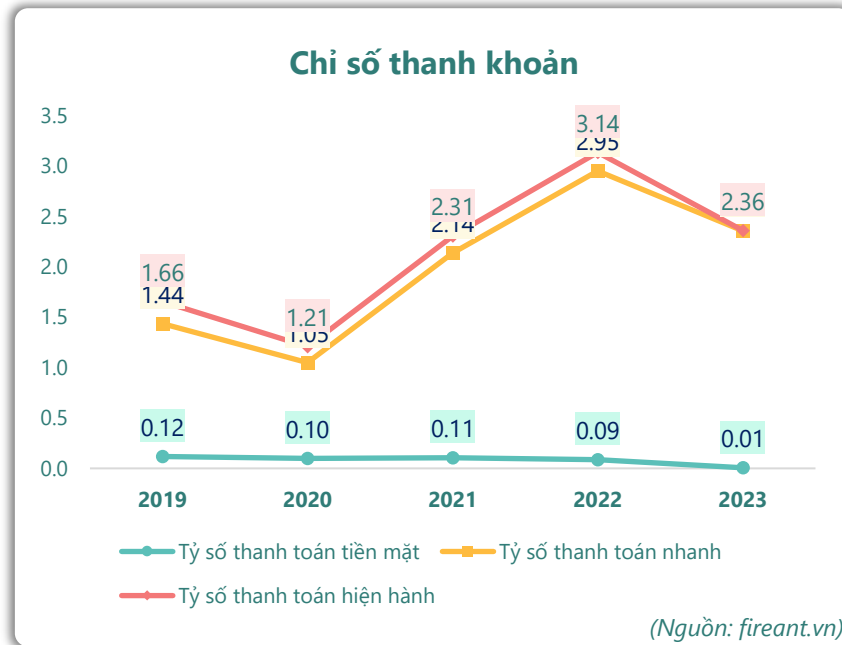
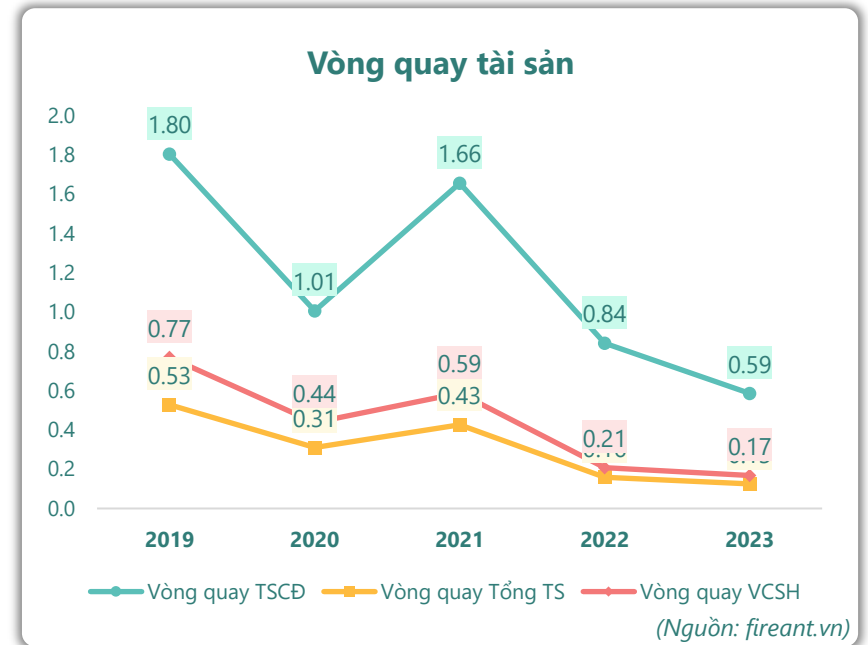
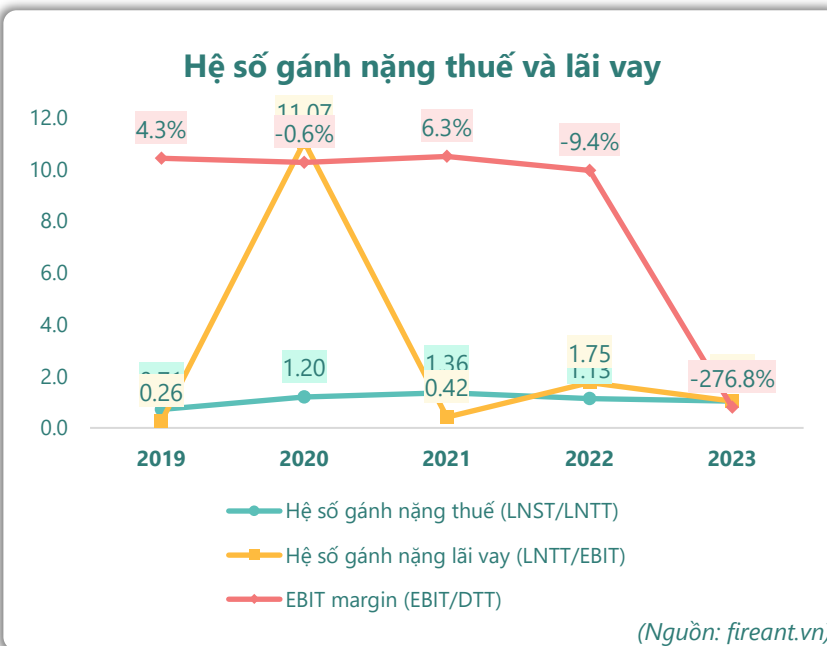
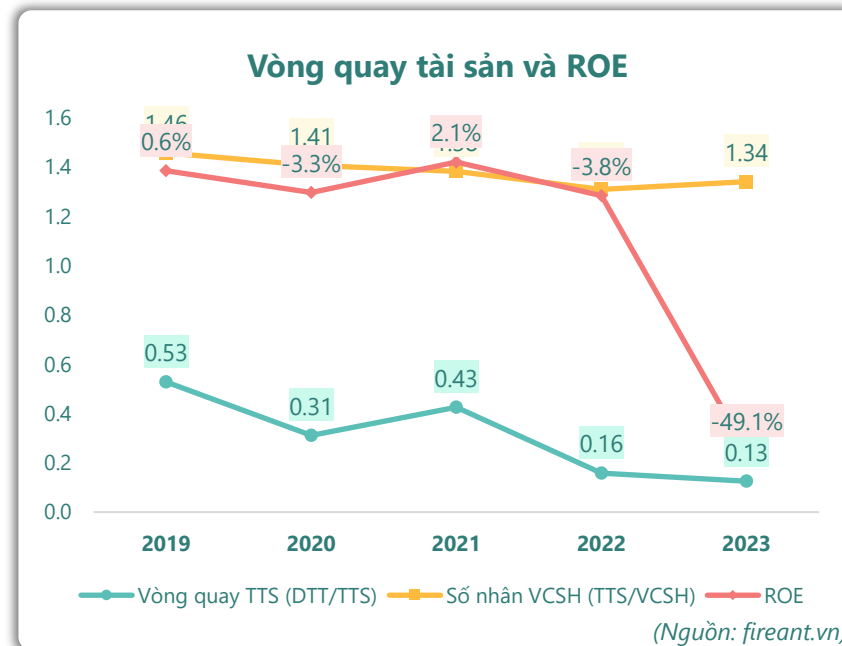
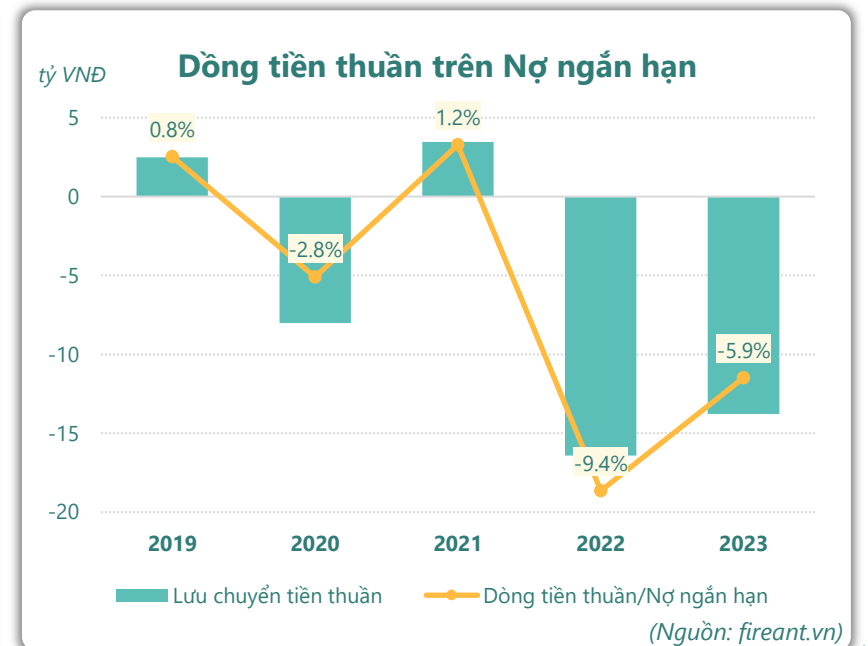
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	16.2	37.3	-56.5%	110	173	-36.3%
Giá vốn hàng bán	18.9	41.3	-54.3%	156	180	-13.5%
Lợi nhuận gộp	-2.64	-3.95	33.0%	-45.7	-7.44	-514%
Doanh thu HĐTC	3.41	6.43	-47.0%	28.8	27.9	3.4%
Chi phí TC	2.35	4.79	-51.0%	163	12.2	1231%
Chi phí lãi vay	2.35	2.98	-21.2%	12.0	12.2	-1.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.04	0.17	-79.3%	0.47	2.75	-82.9%
Chi phí QLDN	0.74	0.70	6.0%	136	34.3	297%
LN thuần từ HĐKD	-2.36	-3.18	25.7%	-316	-28.8	-998%
Lợi nhuận khác	-0.22	0.00		-0.07	0.28	-126%
LN trước thuế	-2.58	-3.18	18.7%	-317	-28.5	-1009%
Lợi nhuận sau thuế	-3.63	-3.18	-14.3%	-327	-32.3	-913%
LNST của CĐ cty mẹ	-3.45	-3.03	-13.9%	-322	-31.9	-910%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	55.3	-5.11	-2.43	16.5	-82.9	53.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-33.1	0.00	0.00	-54.0	84.5	11.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.0	-0.13	-0.28	32.2	-2.19	19.1
Tiền đầu kỳ	7.82	15.1	9.90	7.19	1.94	1.37
Lưu chuyển tiền thuần	7.20	-5.25	-2.72	-5.25	-0.57	84.5
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.08	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	14.9	9.90	7.19	1.94	1.38	85.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	779	744	4.7%
Tài sản ngắn hạn	590	549	7.4%
Tiền và tương đương tiền	85.8	1.37	6173%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	495	546	-9.3%
Hàng tồn kho	7.35	0.69	959%
Tài sản ngắn hạn khác	2.05	1.68	22.1%
Tài sản dài hạn	189	194	-3.0%
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	174	179	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	14.5	14.9	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	288	249	15.4%
Nợ ngắn hạn	270	233	16.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	175	156	12.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.2	8.33	250%
Nợ dài hạn	17.3	16.2	6.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.74	0.71	4.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	491	495	-0.8%
Vốn chủ sở hữu	491	495	-0.8%
Vốn điều lệ	792	792	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

